TRƯỜNG THPT LINH TRUNG
TỔ SỬ - ĐỊA – GDCD
NHÓM: GIÁO DỤC CÔNG DÂN
***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Thủ Đức, ngày 05 tháng 12 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI HỌC KỲ 1
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN
KHỐI 12 - NĂM HỌC: 2023-2024
(BAN KHOA HỌC TỰ NHIÊN)

♣♣♣

Câu 1: Văn bản pháp luật phải chính xác, dễ hiểu để người dân bình thường cũng có thể hiểu được là đặc trưng nào sau đây của pháp luật?
A. Tính quyền lực bắt buộc chung.
B. Tính quy phạm phổ biến.
C. Tính cưỡng chế.
D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 2: Nội dung của văn bản luật cấp dưới không được trái với nội dung của văn bản luật cấp trên là thể hiện
A. tính bắt buộc chung.
B. quy phạm phổ biến.
C. tính cưỡng chế.
D. tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 3: Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống
A. xã hội.
B. tổ dân phố.
C. gia đình.
D. cơ quan, trường học.

Câu 4: Nhờ chị S có hiểu biết về pháp luật nên tranh chấp về đất đai giữa gia đình chị với gia đình anh P đã được giải quyết ổn thỏa. Trường hợp này cho thấy pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?
A. Bảo vệ quyền và tài sản của công dân.
B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
C. Bảo vệ quyền dân chủ của công dân.
D. Bảo vệ quyền tham gia và quản lý xã hội.

Câu 5: Khi đạo đức trở thành nội dung của quy phạm pháp luật thì các giá trị đạo đức được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng
A. sức ép của dư luận xã hội.
B. niềm tin của mọi người trong xã hội.
C. lương tâm của mỗi cá nhân.
D. sức mạnh quyền lực của nhà nước.

Câu 6: Nhờ có pháp luật, nhà nước mới kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhận định này muốn đề cập đến
A. vai trò của pháp luật.
B. nhiệm vụ của pháp luật.
C. đặc trưng của pháp luật.
D. chức năng của pháp luật.

Câu 7: Cơ sở sản xuất giấy X bị cán bộ môi trường lập biên bản đình chỉ hoạt động vì không áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cán bộ môi trường đã sử dụng vai trò nào dưới đây của pháp luật?

A. Phương tiện để quản lí xã hội. **B.** Bảo vệ quyền, lợi ích của công dân.

C. Tổ chức và thực hiện pháp luật. **D.** Thực hiện quyền, lợi ích của công dân.

Câu 8: Khi phát hiện con gái mình có dấu hiệu bị xâm hại bởi một đối tượng gần nhà, chị M đã gửi đơn tố cáo lên cơ quan công an thành phố. Trong trường hợp này, pháp luật thể hiện vai trò nào dưới đây?

A. Phương tiện bảo vệ quyền và tài sản của công dân.

B. Phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

C. Phương tiện để nhà nước phát huy quyền lực.

D. Phương tiện để nhà nước quản lí xã hội.

Câu 9: Bức tường nhà chị H bị hỏng nặng do anh nhà anh D hàng xóm xây nhà mới. Sau khi được trao qui định của pháp luật về trách nhiệm của người xây dựng công trình, anh D đã xây mới lại bức tường. Trong trường hợp này pháp luật thể hiện vai trò gì?

A. Phương tiện để nhà nước phát huy quyền lực của mình.

B. Phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

C. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

D. Bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân.

Câu 10: Công ty A chậm thanh toán đơn hàng theo đúng thời hạn hợp đồng đã thỏa thuận với công ty B và bị công ty B khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại. Việc Tòa án xử lý vi phạm của công ty A là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quy phạm phổ biến. **B.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Tính thực tiễn xã hội.

Câu 11: Công trình xây dựng K không tuân thủ các quy định về an toàn lao động nên đã để xảy ra vụ thanh sắt rơi, làm một người phụ nữ đang đi đường tử vong. Cơ quan Cảnh sát điều tra quận X, nơi xảy ra vụ tai nạn trên đã khởi tố hình sự đối với chủ đầu tư công trình K. Việc làm này của Cảnh sát quận X đã thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. **B.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến. **D.** Tính giáo dục của pháp luật.

Câu 12: Khi biết chị T mang thai, giám đốc công ty X đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng với chị, chị đã làm đơn khiếu nại lên ban giám đốc công ty. Trong trường hợp này, pháp luật có vai trò như thế nào ?

A. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

B. Thực hiện nghĩa vụ hợp pháp của công dân.

C. Nhà nước quản lý công dân.

D. Nhà nước quản lý các tổ chức.

Câu 13. Trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, công dân thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với khả năng và điều kiện của mình. Điều này thể hiện vai trò của pháp luật là phương tiện để công dân

A. bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình.
B. thực hiện quyền của mình.
C. thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.
D. bảo vệ nhu cầu cuộc sống của công dân.

Câu 14. Khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ của cha mẹ là "Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức" là thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật với
A. chính trị.
B. đạo đức.
C. kinh tế.
D. văn hóa.

Câu 15. Những quy phạm đạo đức phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội được Nhà nước đưa vào trong các quy phạm pháp luật là thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật với
A. chính trị.
B. đạo đức.
C. xã hội.
D. kinh tế.

Câu 16: Qúa trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức là
A. thực hiện pháp luật. **B.** phổ biến pháp luật.
C. tư vấn pháp luật. **D.** giáo dục pháp luật.

Câu 17: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là
A. sử dụng pháp luật **B.** thi hành pháp luật **C.** tuân thủ pháp luật **D.** áp dụng pháp luật

Câu 18: Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức
A. sử dụng pháp luật **B.** tuân thủ pháp luật **C.** áp dụng pháp luật **D.** thi hành pháp luật

Câu 19: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lí người vi phạm pháp luật là hình thức
A. áp dụng pháp luật. **B.** thi hành pháp luật. **C.** sử dụng pháp luật. **D.** tuân thủ pháp luật.

Câu 20: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật
A. khuyến khích làm. **B.** cho phép làm. **C.** quy định làm. **D.** bắt buộc làm.

Câu 21: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn

A. quy ước của tập thể. **B.** các quyền của mình.
C. nguyên tắc của cộng đồng. **D.** nội quy của nhà trường.

Câu 22: Mọi người chủ động đến cơ quan chức năng để đăng ký tạm trú, tạm vắng là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?
A. Áp dụng pháp luật. **B.** Sử dụng pháp luật.
C. Tuân thủ pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật.

Câu 23: Các tổ chức cá nhân **không** làm những việc mà pháp luật cấm là
A. tuân thủ pháp luật. **B.** áp dụng pháp luật **C.** sử dụng pháp luật. **D.** thi hành pháp luật.

Câu 24: Công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh thông qua việc lựa chọn ngành, nghề, hình thức kinh doanh phù hợp với điều kiện, khả năng của mình là gì?
A. Áp dụng pháp luật. **B.** Tuân thủ pháp luật.
C. Sử dụng pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật.

Câu 25: Cô giáo H đã cho Hội khuyến học phường X mượn ngôi nhà cô được thừa kế riêng làm địa điểm mở lớp học tình thương mặc dù chồng cô muốn dành ngôi nhà đó để gia đình nghỉ ngơi vào cuối tuần. Cô giáo H đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?
A. tuân thủ pháp luật **B.** sử dụng pháp luật **C.** thi hành pháp luật **D.** áp dụng pháp luật

Câu 26: Do không hài lòng với mức tiền bồi thường đất đai sau giải tỏa, ông B nhiều lần yêu cầu được gặp lãnh đạo xã Y**.** Cho rằng ông B cố tình gây rối, ông H chủ tịch xã đã yêu cầu anh H công an viên và bảo vệ ủy ban nhân dân bắt và đưa ông ra khỏi trụ sở Ủy ban. Những ai dưới đây đã sử dụng đúng pháp luật?
A. Công an viên. **B.** Ông H. **C.** Bảo vệ. **D.** Ông B.

Câu 27: Tòa án nhân dân huyện X ra quyết định thuận tình li hôn cho vợ chồng anh N. Tòa án nhân dân huyện X đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?
A. Áp dụng pháp luật. **B.** Tuân thủ pháp luật.
C. Phổ biến pháp luật. **D.** Sử dụng pháp luật.

Câu 28: Lợi dụng khi ông T giám đốc đi công tác dài ngày, chị P thường xuyên đi làm muộn về sớm, tranh thủ bán hàng online trong giờ làm việc để tăng thêm thu nhập. Chị P đã vi phạm pháp luật nào dưới đây?
A. Dân sự **B.** Kỉ luật. **C.** Cơ quan **D.** Hành chính.

Câu 29: Anh A nghi ngờ anh B trộm xe máy của ông C nên đã trình báo với anh T trưởng công an xã M. Anh T ra quyết định cho công an viên H, S tới khám xét nhà anh B nhưng bị anh B chống trả quyết liệt, đánh H và S gãy chân. Những ai dưới đây vi phạm pháp luật?
A. Anh T, ông H và ông S, anh B. **B.** Anh B và anh T.
C. anh A, anh B và ông C. **D.** Anh A và anh B.

Câu 30: Bị chị B đã đặt điều nói xấu, lăng mạ trên facebook nên chị A đã chặn đường đánh chị B bị thương nặng. Anh C thấy vậy liền ôm giữ chị A lại nhằm giúp chị B chạy thoát. Trong trường hợp này ai đã vi phạm pháp luật?

A. Chị A và anh C. **B.** Chị B và anh C.

C. Chị A và chị B. **D.** Cả chị A, chị B và anh C.

Câu 31: Đại lý X được cấp giấy phép phân phối thuốc tân dược nhưng lại bí mật bán lẻ thêm bột dinh dưỡng cho các gia đình có trẻ nhỏ trong khu dân cư. Đại lý X đã vi phạm pháp luật nào dưới đây?

A. Kỉ luật. **B.** Hành chính. **C.** Dân sự. **D.** Hình sự.

Câu 32: Làm cùng một cơ quan, lại là bà con với nhau nên trong giờ làm việc, bảo vệ H đã nhiều lần tự ý mở cổng cho anh V ra ngoài giải quyết việc riêng. Bảo vệ H và anh V đã vi phạm pháp luật nào dưới đây?

A. Hành chính. **B.** Kỉ luật. **C.** Dân sự. **D.** Hình sự.

Câu 33: Công dân không thực hiện đúng hợp đồng mua bán phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây?

A. Hành chính. **B.** Kỉ luật. **C.** Dân sự. **D.** Công vụ.

Câu 34: Bà H lấn chiếm vỉa hè để buôn bán, hành vi này sẽ bị xử phạt vi phạm

A. hành chính. **B.** kỉ luật. **C.** hình sự. **D.** dân sự.

Câu 35: Người vi phạm pháp luật, gây thiệt hại về tài sản của người khác thì phải chịu trách nhiệm pháp luật nào dưới đây?

A. Hình sự. **B.** Kỉ luật. **C.** Dân sự. **D.** Hành chính.

Câu 36: Mọi công dân đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là biểu hiện công dân bình đẳng về

A. quyền và nghĩa vụ.

B. quyền và trách nhiệm.

C. nghĩa vụ và trách nhiệm.

D. trách nhiệm hợp lí.

Câu 37: Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải xử lí theo quy định của pháp luật là thể hiện bình đẳng về

A. trách nhiệm pháp lí.

B. quyền và nghĩa vụ.

C. thực hiện pháp luật.

D. trách nhiệm trước Tòa án.

Câu 38: Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính và địa vị xã hội là thể hiện quyền bình đẳng nào dưới đây của công dân?

A. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

B. Bình đẳng về thành phần xã hội.

C. Bình đẳng tôn giáo.

D. Bình đẳng dân tộc.

Câu 39: Mọi công dân khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền kinh doanh là thể hiện công dân bình đẳng
A. về quyền và nghĩa vụ.
B. trong sản xuất.
C. trong kinh tế.
D. về điều kiện kinh doanh.
Câu 40: Nội dung nào dưới đây *không nói* về công dân bình đẳng về quyền và nghĩa **vụ ?**
A. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
B. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ đóng góp vào quỹ từ thiện.
C. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ đóng thuế.
D. Công dân bình đẳng về quyền bầu cử.
Câu 41: Một trong những biểu hiện của bình đẳng về quyền và nghĩa vụ là
A. ai cũng có quyền và nghĩa vụ như nhau.
B. quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.
C. quyền và nghĩa vụ công dân là một thể thống nhất.
D. mọi người đều có quyền ưu tiên như nhau.
Câu 42: Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lí theo quy định của pháp luật là bình đẳng về
A. trách nhiệm pháp lí.
B. quyền và nghĩa vụ.
C. nghĩa vụ và trách nhiệm.
D. trách nhiệm chính trị.
Câu 43: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân
A. đều có quyền như nhau.
B. đều có nghĩa vụ như nhau.
C. đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.
D. đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
Câu 44: Bất kì công dân nào, nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền học tập, lao động, kinh doanh. Điều này thể hiện
A. công dân bình đẳng về nghĩa vụ.
B. công dân bình đẳng về quyền.
C. công dân bình đẳng về trách nhiệm.
D. công dân bình đẳng về mặt xã hội.
Câu 45: Ngoài việc bình đẳng về hưởng quyền, công dân còn bình đẳng trong thực hiện
A. nghĩa vụ.
B. trách nhiệm.
C. công việc chung.

D. nhu cầu riêng.

Câu 46: Mọi người thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định là thể hiện công dân bình đẳng

A. về bổn phận. **B.** trước xã hội. **C.** về nghĩa vụ. **D.** trước pháp luật.

Câu 47: Ngoài việc bình đẳng về hưởng quyền, công dân còn bình đẳng trong việc thực hiện

A. trách nhiệm. **B.** nhu cầu riêng. **C.** công việc chung. **D.** nghĩa vụ.

Câu 48: Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm

A. pháp lí. **B.** xã hội. **C.** cá nhân. **D.** đạo đức.

Câu 49: Việc xét xử các vụ án kinh tế trọng điểm trong năm qua ở nước ta hiện nay không phụ thuộc vào người đó là ai, giữ chức vụ gì, là thể hiện công dân bình đẳng về

A. quyền trong kinh doanh. **B.** nghĩa vụ trong kinh doanh.

C. trách nhiệm pháp lí . **D.** nghĩa vụ pháp lí.

Câu 50: Bất kỳ công dân nào, nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật khi tiến hành kinh doanh đều phải nộp thuế, điều này thể hiện

A. công dân bình đẳng về trách nhiệm. **B.** công dân bình đẳng về nghĩa vụ.

C. công dân bình đẳng về cơ hội. **D.** công dân bình đẳng về quyền.

Câu 51: Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú là bình đẳng

A. trong quan hệ nhân thân. **B.** trong quan hệ tài sản.

C. trong quan hệ việc làm. **D.** trong quan hệ nhà ở.

Câu 52: Vợ chồng có quyền tự do lựa chọn tín ngưỡng, tôn giáo là bình đẳng

A. trong quan hệ nhân thân. **B.** trong quan hệ tài sản.

C. trong quan hệ việc làm. **D.** trong quan hệ nhà ở.

Câu 53: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

A. Nộp thuế đầy đủ theo quy định. **B.** Cổ phần hóa tài sản doanh nghiệp.

C. Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lí. **D.** Thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

Câu 54: Theo quy định của pháp luật, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ

A. kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký. **B.** tham gia xây nhà tình nghĩa,

C. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên, **D.** tuyển dụng chuyên gia cao cấp.

Câu 55: Nội dung nào dưới đây là nghĩa vụ của người sản xuất kinh doanh?

A. Giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

B. Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh.

C. Đảm bảo đầy đủ điều kiện vật chất cho người lao động.

D. Xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Câu 56: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình dựa trên cơ sở nguyên tắc nào sau đây?

A. Dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

B. Tự do, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
C. Công bằng, lắng nghe, kính trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
D. Chia sẻ, đồng thuận, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

Câu 57. Bình đẳng giữa cha mẹ và con có nghĩa là

A. Cha mẹ không phân biệt đối xử giữa các con.
B. Cha mẹ có quyền yêu thương con gái hơn con trai.
C. Cha mẹ cần tạo điều kiện học tập tốt hơn cho con trai.
D. Cha mẹ yêu thương, chăm sóc con đẻ hơn con nuôi.

Câu 58. Bình đẳng trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng thể hiện cho nội dung nào dưới đây ?

A. Vợ chồng có quyền cùng nhau quyết định về kinh tế trong gia đình.
B. Vợ chồng có quyền tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
C. Người vợ có quyền quyết định nuôi dạy con.
D. Người vợ cần làm công việc gia đình nhiều hơn chồng để tạo điều kiện cho chồng phát triển.

Câu 59. Vợ chồng giữ gìn danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau là biểu hiện bình đẳng trong quan hệ nào dưới đây ?

A. Quan hệ thân nhân.
B. Quan hệ tài sản.
C. Quan hệ hợp tác.
D. Quan hệ tinh thần.

Câu 60. Nội dung nào dưới đây không thể hiện bình đẳng giữa cha mẹ và con ?

A. Cha mẹ cần tạo điều kiện học tập tốt cho con trai và con gái.
B. Cha mẹ cần quan tâm, chăm sóc con đẻ như con nuôi.
C. Cha mẹ cần tôn trọng ý kiến của con.
D. Cha mẹ có quyền yêu con gái hơn con trai.

Câu 61. Nội dung nào dưới đây *không phải* là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình **?**

A. Bình đẳng giữa những người trong họ hàng.
B. Bình đẳng giữa vợ và chồng.
C. Bình đẳng giữa cha mẹ và con.
D. Bình đẳng giữa anh chị, em.

Câu 62. Khoản 2 điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ của con là "Có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình". Quy định này nói về bình đẳng trong quan hệ nào dưới đây ?

A. Giữa anh, chị, em, với nhau.
B. Giữa cha mẹ và con.

C. Giữa các thế hệ.

D. Giữa mọi thành viên.

Câu 63. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc thực hiện kết hoạch hóa gia đình là nội dung bình đẳng trong quan hệ nào dưới đây ?

A. Quan hệ tình cảm.

B. Quan hệ kế hoạch hóa gia đình.

C. Quan hệ nhân thân.

D. Quan hệ gia đình.

Câu 64. Việc mua, bán, đổi, cho liên quan đến tài sản chung, có giá trị lớn phải được bàn bạc, thỏa thuận giữa vợ và chồng là nội dung bình đẳng nào trong quan hệ nào dưới đây giữa vợ và chồng ?

A. Quan hệ mua bán.

B. Quan hệ tài sản.

C. Quan hệ hợp đồng.

D. Quan hệ hòa thuận.

Câu 65: mọi doanh nghiệp đều là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế nước ta là biểu hiện của bình đẳng trong lĩnh vực nào dưới đây ?

A. Bình đẳng trong quan hệ thị trường.

B. Bình đẳng trong kinh tế.

C. Bình đẳng trong quan lí kinh doanh.

D. Bình đẳng trong kinh doanh.

Câu 66. Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ kinh doanh trong những ngành nghề mà luật pháp không cấm khi có đủ điều kiện, là nội dung của bình đẳng nào trong lĩnh vực dưới đây ?

A. Bình đẳng trong sản xuất.

B. Bình đẳng trong kinh doanh.

C. Bình đẳng trong lao động.

D. Bình đẳng trong xây dựng kinh tế.

Câu 67. Nguyên tắc nào dưới đây *không phải* là nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động ?

A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng.

B. Khách quan, công bằng, dân chủ.

C. Không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

D. Giao kết trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 68. Vợ chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình là nội dung của quan hệ nào dưới đây ?

A. Quan hệ nhân thân và quan hệ dân sự.

B. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

C. Quan hệ tình cảm và quan hệ tài sản.

D. Quan hệ nhân thân và quan hệ tình cảm.

Câu 69. Để được đề nghị sửa đổi nội dung về tiền lương của hợp đồng lao động, người lao động cần căn cứ vào nguyên tắc nào dưới đây trong giao kết hợp đồng lao động ?

A. Tự do ngôn luận.

B. Tự do, công bằng, dân chủ.

C. Tự do, tự nguyện, bình đẳng.

D. Tự do thực hiện hợp đồng.

Câu 70. Chị B và giám đốc công ty K cùng kí kết hợp đồng lao động. Việc giao kết hợp đồng lao động đã tuân theo nguyên tắc dự do, tự nguyện, bình đẳng. đây là biểu hiện của bình đẳng

A. Trong tìm kiếm việc làm.

B. Trong việc tự do sử dụng sức lao động.

C. Về quyền có việc làm.

D. Trong giao kết hợp đồng lao động.

Câu 71: Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên con em đồng bào dân tộc vào học các trường Đại học, điều này thể hiện sự bình đẳng về

A. tự do tín ngưỡng. **B.** chính trị.

C. kinh tế. **D.** văn hóa, giáo dục.

Câu 72: Nhà nước luôn quan tâm hỗ trợ vốn đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. truyền thông. **B.** tín ngưỡng.

C. tôn giáo. **D.** kinh tế.

Câu 73: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển là thể hiện quyền bình đẳng giữa các

A. tổ chức. **B.** tôn giáo. **C.** tín ngưỡng. **D.** dân tộc.

Câu 74: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

A. văn hóa. **B.** tín ngưỡng. **C.** tôn giáo. **D.** giáo dục.

Câu 75: Các dân tộc được bình đẳng hưởng thụ một nền giáo dục, tạo điều kiện để các dân tộc khác nhau đều được bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** văn hóa. **C.** chính trị. **D.** giáo dục.

Câu 76: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, văn hoá tốt đẹp, văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** văn hóa. **C.** chính trị. **D.** phong tục.

Câu 77: Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau khi đủ điều kiện mà pháp luật quy định đều có quyền bầu cử và ứng cử, quyền này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** chính trị.

C. văn hóa, giáo dục. **D.** xã hội.

Câu 78: N là người dân tộc thiểu số được cộng 1.5 điểm ưu tiên trong xét tuyển vào đại học. Điều này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. **B.** chính trị.

C. văn hóa, giáo dục. **D.** xã hội.

Câu 79: Tại trường Dân tộc nội trú tỉnh A, Ban giám hiệu nhà trường khuyến khích học sinh hát những bài hát, điệu múa thuộc đặc trưng của dân tộc mình. Điều này thể hiện các dân tộc bình đẳng về

A. chính trị. **B.** văn hóa. **C.** kinh tế. **D.** giáo dục.

Câu 80: Ông A là người dân tộc thiểu số, ông B là người Kinh. Đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội, cả hai ông đều đi bầu cử. Điều này thể hiện các dân tộc bình đẳng trong lĩnh vực nào?

A. Kinh tế. **B.** Chính trị. **C.** Văn hóa. **D.** Giáo dục.

Chúc các em ôn tập và thi tốt!